

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG - HỆ LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP LÊN CAO ĐẲNG CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2010-2012, ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Lưu sổ cấp phát VBCC mẫu quy chế ban hành theo QĐ số 33/ 2007/ QĐ-BGDDT ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo)

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Số hiệu chứng chỉ	Số QĐtốt nghiệp	Vào sổ cấp chứng chỉ số	Người nhận chứng chỉ ký nhận	Ghi chú
1	Trần Văn	Dũng	13/12/1988	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	092711	1003/QĐ	20121		
2	Hoàng Xuân	Duy	01/9/1987	Nam	Kinh	Thanh Liêm - Hà Nam	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Giỏi	Chính quy	092712	1003/QĐ	20122		
3	Hoàng Văn	Đạt	27/01/1989	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243680	1003/QĐ	20123		
4	Đình Văn	Điệp	09/01/1989	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình	Chính quy	243681	1003/QĐ	20124		
5	Lê Văn	Giang	10/6/1988	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình	Chính quy	243682	1003/QĐ	20125		
6	Chu Văn	Giáp	16/01/1985	Nam	Kinh	Yên Phong - Bắc Ninh	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243683	1003/QĐ	20126		
7	Đào Văn	Hoàng	14/9/1985	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243684	1003/QĐ	20127		
8	Chu Quang	Hung	15/10/1989	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243685	1003/QĐ	20128		
9	Nguyễn Văn	Hữu	07/9/1988	Nam	Kinh	Gia Bình - Bắc Ninh	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Khá	Chính quy	243686	1003/QĐ	20129		
10	Nguyễn Văn	Huy	14/7/1989	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Khá	Chính quy	243687	1003/QĐ	201210		
11	Nguyễn Văn	Linh	09/5/1985	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình	Chính quy	243688	1003/QĐ	201211		
12	Vũ Văn	Long	03/02/1990	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Giỏi	Chính quy	243689	1003/QĐ	201212		
13	Trần Thế	Nam	08/7/1990	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Khá	Chính quy	243690	1003/QĐ	201213		
14	Nguyễn Văn	Phúc	22/5/1988	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243691	1003/QĐ	201214		
15	Nguyễn Văn	Sỹ	03/5/1982	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình	Chính quy	243692	1003/QĐ	201215		
16	Nguyễn Văn	Tâm	15/4/1989	Nam	Kinh	Lạng Giang-Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Giỏi	Chính quy	243693	1003/QĐ	201216		
17	Hà Văn	Thắng	02/01/1989	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Khá	Chính quy	243694	1003/QĐ	201217		
18	Nguyễn Văn	Tuấn	17/9/1987	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243695	1003/QĐ	201218		
19	Nguyễn Ngọc	Cảnh	02/01/1988	Nam	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình	Chính quy	243696	1003/QĐ	201219		
20	Nguyễn Văn Giang	Hùng	30/4/1988	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243697	1003/QĐ	201220		
21	Nguyễn Văn	Khoa	27/4/1989	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243698	1003/QĐ	201221		
22	Thân Văn	Thanh	03/10/1990	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243699	1003/QĐ	201222		
23	Đình Văn	Trường	16/6/1989	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Trung bình	Chính quy	243700	1003/QĐ	201223		
24	Dương Văn	Tùng	01/12/1989	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.CK-LT10	Giỏi	Chính quy	243701	1003/QĐ	201224		
25	Nguyễn Việt	An	20/7/1990	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243702	1003/QĐ	201225		
26	Lương Văn	Bằng	27/5/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Trung bình	Chính quy	243703	1003/QĐ	201226		
27	Nguy. Văn	Chính	28/7/1987	Nam	Kinh	Yên Dũng- Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243704	1003/QĐ	201227		
28	Lê Văn	Du	12/6/1985	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Trung bình khá	Chính quy	243705	1003/QĐ	201228		
29	Kiều Minh	Đức	24/02/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243706	1003/QĐ	201229		
30	Vũ Văn	Giang	23/3/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Trung bình khá	Chính quy	243707	1003/QĐ	201230		
31	Phạm Vĩnh	Hà	11/10/1989	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Trung bình khá	Chính quy	243708	1003/QĐ	201231		
32	Đoàn Ngọc	Hoàn	30/01/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243709	1003/QĐ	201232		
33	Lê Việt	Hùng	11/5/1987	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Giỏi	Chính quy	243710	1003/QĐ	201233		
34	Đỗ Quang	Huy	14/01/1987	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Giỏi	Chính quy	243711	1003/QĐ	201234		
35	Nguyễn Văn	Lượng	05/3/1989	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CD.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243712	1003/QĐ	201235		

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Số hiệu chứng chỉ	Số QĐtốt nghiệp	Vào sổ cấp chứng chỉ số	Người nhận chứng chỉ ký nhận	Ghi chú
36	Nguyễn Thanh	Nam	24/6/1989	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243713	1003/QĐ	201236		
37	Đỗ Văn	Ngọc	05/8/1987	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Xuất sắc	Chính quy	243714	1003/QĐ	201237		
38	Hà Văn	Nhã	22/6/1986	Nam	Kinh	Yên Dũng- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Giỏi	Chính quy	243715	1003/QĐ	201238		
39	Vũ Văn	Nhân	11/5/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243716	1003/QĐ	201239		
40	Lê Văn	Ninh	01/10/1982	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Trung bình	Chính quy	243717	1003/QĐ	201240		
41	Hà Văn	Quân	30/8/1985	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243718	1003/QĐ	201241		
42	Trần Văn	Sao	25/3/1986	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Giỏi	Chính quy	243719	1003/QĐ	201242		
43	Vũ Lê	Thuyền	16/12/1989	Nam	Kinh	Lục nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Trung bình	Chính quy	243720	1003/QĐ	201243		
44	Dương Công	Toàn	30/01/1990	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Trung bình khá	Chính quy	243721	1003/QĐ	201244		
45	Trần Phương	Tùng	21/01/1989	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Giỏi	Chính quy	243722	1003/QĐ	201245		
46	Nguyễn Đức	Văn	21/01/1990	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Xuất sắc	Chính quy	243723	1003/QĐ	201246		
47	Dương Tuấn	Anh	14/02/1986	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Trung bình	Chính quy	243724	1003/QĐ	201247		
48	Nguyễn Văn	Cao	02/5/1985	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243725	1003/QĐ	201248		
49	Nguyễn Khắc	Đàm	01/11/1987	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243726	1003/QĐ	201249		
50	Tạ Minh	Hải	09/6/1990	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243727	1003/QĐ	201250		
51	Nguyễn Đình	Nam	06/9/1987	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243728	1003/QĐ	201251		
52	Nguyễn Văn	Sáng	16/4/1987	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243729	1003/QĐ	201252		
53	Lưu Văn	Tuân	18/02/1981	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Trung bình	Chính quy	243730	1003/QĐ	201253		
54	Lương Văn	Tuấn	03/4/1983	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Giỏi	Chính quy	243731	1003/QĐ	201254		
55	Trần Anh	Tuấn	05/9/1990	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10A	Khá	Chính quy	243732	1003/QĐ	201255		
56	Lê	Anh	10/5/1989	Nam	Kinh	Việt Yên -Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243733	1003/QĐ	201256		
57	Đỗ Quảng	Đức	12/02/1990	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Khá	Chính quy	243734	1003/QĐ	201257		
58	Phạm Hoàng	Giang	22/7/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Khá	Chính quy	243735	1003/QĐ	201258		
59	Hoàng Văn	Hiệp	23/02/1990	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Giỏi	Chính quy	243736	1003/QĐ	201259		
60	Đỗ Văn	Hợp	15/4/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243737	1003/QĐ	201260		
61	Nguyễn Văn	Huấn	21/10/1990	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Khá	Chính quy	243738	1003/QĐ	201261		
62	Trần Văn	Huấn	22/12/1990	Nam	Kinh	Quế Võ - Bắc Ninh	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243739	1003/QĐ	201262		
63	Nguyễn Mạnh	Hùng	03/3/1986	Nam	Kinh	Lạng Giang -Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243740	1003/QĐ	201263		
64	Nguyễn Tuấn	Huy	20/8/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243741	1003/QĐ	201264		
65	Thân Thị Như	Lưu	20/10/1988	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243742	1003/QĐ	201265		
66	Nguyễn Văn	Quyết	16/6/1989	Nam	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243743	1003/QĐ	201266		
67	Dương Văn	Thái	16/10/1985	Nam	Kinh	Việt Yên -Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243744	1003/QĐ	201267		
68	Lại Văn	Thị	15/10/1987	Nam	Kinh	Lục Ngạn -Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Giỏi	Chính quy	243745	1003/QĐ	201268		
69	Trần Hữu	Trọng	08/9/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243746	1003/QĐ	201269		
70	Nguyễn Quốc	Trung	14/9/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243747	1003/QĐ	201270		
71	Ngô Đăng	Trường	16/4/1990	Nam	Kinh	Việt Yên -Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243748	1003/QĐ	201271		
72	Nguyễn Ngọc	Tuân	03/10/1989	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243749	1003/QĐ	201272		
73	Lê Minh	Tuấn	02/11/1989	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Khá	Chính quy	243750	1003/QĐ	201273		
74	Thân Văn	Tuấn	08/3/1989	Nam	Kinh	Việt Yên -Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Giỏi	Chính quy	243751	1003/QĐ	201274		
75	Vũ Văn	Tùng	28/4/1990	Nam	Kinh	Lạng Giang -Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Khá	Chính quy	243752	1003/QĐ	201275		
76	Đào Văn	Tuyên	08/4/1990	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243753	1003/QĐ	201276		
77	Hà Văn	Xuân	23/9/1990	Nam	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243754	1003/QĐ	201277		

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Số hiệu chứng chỉ	Số QĐtốt nghiệp	Vào sổ cấp chứng chỉ số	Người nhận chứng chỉ ký nhận	Ghi chú
78	Nguyễn Việt	Hải	01/6/1980	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243755	1003/QĐ	201278		
79	Hà Huy	Hùng	25/5/1989	Nam	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243756	1003/QĐ	201279		
80	Nguyễn Chí	Tâm	27/5/1987	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243757	1003/QĐ	201280		
81	Nguyễn Ngọc	Thao	10/11/1988	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình	Chính quy	243758	1003/QĐ	201281		
82	Tạ Hồng	Tuyến	08/4/1986	Nam	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243759	1003/QĐ	201282		
83	Giáp Văn	Vinh	15/7/1988	Nam	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Trung bình khá	Chính quy	243760	1003/QĐ	201283		
84	Giáp Văn	Vũ	19/5/1987	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.ĐĐT-LT10B	Khá	Chính quy	243761	1003/QĐ	201284		
85	Nguyễn Thị	Chung	05/9/1989	Nữ	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243762	1003/QĐ	201285		
86	Đình Quỳnh	Dung	27/10/1985	Nữ	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243763	1003/QĐ	201286		
87	Nhiều Văn	Đức	06/4/1984	Nam	Kinh	Lục Ngạn - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243764	1003/QĐ	201287		
88	Trần Thị Hải	Hà	20/3/1990	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243765	1003/QĐ	201288		
89	Hoàng Thị	Hà	26/9/1990	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243766	1003/QĐ	201289		
90	Ngô Thị Thanh	Hải	12/01/1987	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Gianng	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243767	1003/QĐ	201290		
91	Nguyễn Thị	Hằng	17/01/1990	Nữ	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243768	1003/QĐ	201291		
92	Nguyễn Thị	Hạnh	10/12/1989	Nữ	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243769	1003/QĐ	201292		
93	Vũ Thị	Hạnh	04/01/1989	Nữ	Kinh	Định Hoá - Thái Nguyên	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243770	1003/QĐ	201293		
94	Nguyễn Thị	Hoa	06/8/1990	Nữ	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243771	1003/QĐ	201294		
95	Đỗ Thị	Nhung	08/3/1987	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243772	1003/QĐ	201295		
96	Nguyễn Thị	Phương	02/9/1990	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Giỏi	Chính quy	243773	1003/QĐ	201296		
97	Nguyễn Thị	Phương	20/9/1989	Nữ	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Giỏi	Chính quy	243774	1003/QĐ	201297		
98	Trần Thị	Thao	18/8/1988	Nữ	Kinh	TP.Bắc Giang- Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Khá	Chính quy	243775	1003/QĐ	201298		
99	Nguyễn Thị	Thu	20/7/1990	Nữ	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Khá	Chính quy	243776	1003/QĐ	201299		
100	Phạm Thị	Thu	09/11/1989	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243777	1003/QĐ	2012100		
101	Đào Hồng	Thuý	05/6/1987	Nữ	Kinh	TP.Bắc Giang-Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243778	1003/QĐ	2012101		
102	Đoàn Thu	Trang	23/12/1989	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243779	1003/QĐ	2012102		
103	Nguyễn Thị	Trang	01/10/1989	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243780	1003/QĐ	2012103		
104	Nguyễn Thị	Trang	28/8/1990	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Giỏi	Chính quy	243781	1003/QĐ	2012104		
105	Nguyễn Thị	Tuyến	11/11/1990	Nữ	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243782	1003/QĐ	2012105		
106	Đình Thị	Tuyết	17/10/1990	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243783	1003/QĐ	2012106		
107	Trần Thị Hồng	Vân	05/8/1987	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Giỏi	Chính quy	243784	1003/QĐ	2012107		
108	Đỗ Thị Phương	Thảo	14/11/1988	Nữ	Kinh	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243785	1003/QĐ	2012108		
109	Phạm Ngọc	Ánh	15/9/1988	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243786	1003/QĐ	2012109		
110	Trần Thị	Ánh	01/12/1988	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243787	1003/QĐ	2012110		
111	Đỗ Thị	Bằng	06/10/1990	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243788	1003/QĐ	2012111		
112	Hoàng Văn	Dương	09/7/1980	Nữ	Kinh	Sơn Động - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Khá	Chính quy	243789	1003/QĐ	2012112		
113	Lương Văn	Dương	09/01/1990	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243790	1003/QĐ	2012113		
114	Thân Thị	Điểm	08/11/1992	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Giỏi	Chính quy	243791	1003/QĐ	2012114		
115	Đặng Thị	Hà	08/11/1989	Nữ	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243792	1003/QĐ	2012115		
116	Phùng Thị Thu	Hà	02/8/1979	Nữ	Kinh	Lục Ngạn - Bắc giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243793	1003/QĐ	2012116		
117	Ninh Văn	Hang	04/9/1971	Nam	Kinh	Sơn Động - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243794	1003/QĐ	2012117		
118	Nguyễn Văn	Hảo	20/10/1982	Nam	Kinh	Sơn Động - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243795	1003/QĐ	2012118		
119	Phạm Thị	Hồng	22/10/1987	Nữ	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243796	1003/QĐ	2012119		
120	Thân Thị Như	Huế	16/6/1986	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243797	1003/QĐ	2012120		

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Số hiệu chứng chỉ	Số QĐtốt nghiệp	Vào sổ cấp chứng chỉ số	Người nhận chứng chỉ ký nhận	Ghi chú
121	Nguyễn Thị	Hường	08/7/1989	Nữ	Kinh	Sơn Động - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Khá	Chính quy	243798	1003/QĐ	2012121		
122	Nguyễn Văn	Huy	15/7/1977	Nam	Kinh	Sơn Động - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243799	1003/QĐ	2012122		
123	Đoàn Thị	Huyền	02/8/1989	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243800	1003/QĐ	2012123		
124	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	03/02/1991	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243801	1003/QĐ	2012124		
125	Nguyễn Thị	Liên	12/3/1987	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Khá	Chính quy	243802	1003/QĐ	2012125		
126	Trịnh Thị	Liên	08/9/1990	Nữ	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243803	1003/QĐ	2012126		
127	Huỳnh Thị	Linh	03/12/1986	Nữ	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243804	1003/QĐ	2012127		
128	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	20/8/1988	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243805	1003/QĐ	2012128		
129	Thân Thuỳ	Linh	07/9/1982	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243806	1003/QĐ	2012129		
130	Nguyễn Thị	Loan	20/6/1986	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243807	1003/QĐ	2012130		
131	Phạm Thị	Lụa	02/01/1983	Nữ	Kinh	Hung Hà - Thái Bình	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243808	1003/QĐ	2012131		
132	Nguyễn Thị	Lý	17/4/1989	Nữ	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243809	1003/QĐ	2012132		
133	Hoàng Thị	Mai	20/4/1982	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243810	1003/QĐ	2012133		
134	Ninh Thị	Nga	25/8/1989	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243811	1003/QĐ	2012134		
135	Tổng Thị	Ngân	18/10/1990	Nữ	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243812	1003/QĐ	2012135		
136	Trần Thị	Nhung	13/02/1985	Nữ	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243813	1003/QĐ	2012136		
137	Nguyễn Thị	Phuong	23/8/1986	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243814	1003/QĐ	2012137		
138	Hoàng Thị Liên	Phượng	17/10/1990	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243815	1003/QĐ	2012138		
139	Lê Thị	Quyết	09/9/1987	Nữ	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243816	1003/QĐ	2012139		
140	Hoàng Hữu	Thanh	07/6/1976	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243817	1003/QĐ	2012140		
141	Lê Phương	Thào	13/10/1990	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243818	1003/QĐ	2012141		
142	Ngô Thị Phương	Thào	16/10/1976	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243819	1003/QĐ	2012142		
143	Đào Thị	Thuý	09/11/1983	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243820	1003/QĐ	2012143		
144	Nguyễn Thị	Thuỳ	27/6/1979	Nữ	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243821	1003/QĐ	2012144		
145	Nguyễn Thị	Thuý	28/9/1990	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243822	1003/QĐ	2012145		
146	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	22/12/1983	Nữ	Kinh	Thuỷ Nguyên - Hải Phòng	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243823	1003/QĐ	2012146		
147	Nguyễn Thị	Tình	15/11/1984	Nữ	Kinh	Lương Tài - Bắc Ninh	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243824	1003/QĐ	2012147		
148	Phạm Thị	Toan	05/5/1982	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243825	1003/QĐ	2012148		
149	Nguyễn Thị Nha	Trang	08/8/1983	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243826	1003/QĐ	2012149		
150	Phạm Thị	Trang	27/02/1987	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình	Chính quy	243827	1003/QĐ	2012150		
151	Hà Thị Huyền	Trinh	12/10/1989	Nữ	Kinh	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243828	1003/QĐ	2012151		
152	Hoàng Thị	Vân	09/8/1987	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	2010-2012	2012	CĐ.KT-LT10	Trung bình khá	Chính quy	243829	1003/QĐ	2012152		

Danh sách này gồm 152 người được cấp chứng chỉ học phần Giáo dục thể chất